

Một số vấn đề về chữ Nôm trong văn cúng của người Dao ở Tuyên Quang

Nguyễn Văn Bộ*

Nhận ngày 06 tháng 12 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 02 năm 2025.

Tóm tắt: Chữ Nôm Dao với các loại văn tự khác là một di sản văn hoá của nước ta. Chữ Nôm Dao trong các sách cúng không chỉ là một di sản văn hóa của dân tộc Dao mà còn là một phần quan trọng trong di sản Hán Nôm, góp phần phản ánh ngôn ngữ, chữ viết, tín ngưỡng và phong tục của người Dao, có giá trị quan trọng đối với việc bảo vệ ngôn ngữ và văn hóa dân tộc thiểu số, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững văn hóa, xã hội tại Tuyên Quang. Do đó, ở bài viết này chúng tôi nêu lên một số đặc điểm về chữ Nôm trong sách cúng của người Dao ở Tuyên Quang nhằm góp phần vào việc khai thác di sản Hán Nôm của người dân tộc thiểu số và bảo tồn văn hoá, tín ngưỡng của cộng đồng người Dao ở tỉnh Tuyên Quang.

Từ khóa: Chữ Nôm Dao, văn cúng Hán Nôm Dao, Tuyên Quang.

Phân loại ngành: Ngôn ngữ học

Abstract: The Nôm Dao script, along with other scripts, is a cultural heritage of Vietnam. Nôm Dao script in worship books is not only a cultural heritage of the Dao people but also an important part of the Hán Nôm heritage, contributing to reflecting the language, writing, beliefs and customs of the Dao people, having important value for the protection of ethnic minority languages and cultures, and contributing to the sustainable development of culture and society in Tuyên Quang province. Therefore, in this article, the author highlights some characteristics of the Nôm Dao script in the ceremonial books of the Dao people in Tuyên Quang province, contributing to the study of the Nôm Dao heritage and the preservation of the culture and beliefs of ethnic minorities.

Keywords: Nôm Dao script, Sino - Nôm Dao worship text, Tuyên Quang province.

Subject classification: Linguistics

1. Đặt vấn đề

Tuyên Quang là một tỉnh có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống với nhiều loại ngôn ngữ khác nhau. Trong đó, người Dao cư trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang hiện nay chiếm tỉ lệ dân số không nhỏ trên địa bàn và là địa phương duy nhất quản tụ đủ chín ngành Dao: Dao Quần Trắng, Dao Thanh Y, Dao Áo Dài, Dao Đỏ, Dao Tiền, Dao Coóc Mùn, Dao Quần Chẹt, Dao Ô Gang, Dao Coóc Ngáng. Vì vậy, việc nghiên cứu và tìm hiểu ngôn ngữ của người Dao, nhất là chữ viết trong các văn bản tín ngưỡng tôn giáo của người Dao là một vấn đề bức thiết hiện nay. Bởi lẽ các văn bản cúng viết bằng chữ Nôm Dao là nguồn tư liệu quý giá, ghi chép đầy đủ các từ ngữ, cấu trúc ngữ pháp và phong cách hành văn đặc trưng của tiếng Dao, mà còn là một kho tư liệu sống động giúp lưu giữ tiếng nói và chữ viết của dân tộc Dao trong bối cảnh nhiều ngôn ngữ thiểu số đang dần mai một. Di sản viết bằng chữ Nôm trong văn cúng của dân tộc Dao tại tỉnh Tuyên Quang có tầm quan trọng lớn trong việc khai thác, bảo tồn và phát triển ngôn ngữ dân tộc thiểu số. Chữ Nôm Dao không chỉ là phương tiện ghi chép, mà còn thể hiện cách người Dao tư duy và truyền tải tri thức, do đó nghiên cứu, khai thác nguồn di sản Nôm này sẽ giúp phục hồi và củng cố ngôn ngữ, góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.

* NCS. Học viện Khoa học xã hội.
Email: thichthanhtancq@gmail.com

2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Chữ Nôm Dao - một di sản văn hóa độc đáo của người Dao, hiện nay đã nhận được sự quan tâm đáng kể từ các nhà nghiên cứu, đặc biệt trong bối cảnh bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc thiểu số. Nhiều bài viết và công trình đã được công bố, tập trung vào việc khẳng định vai trò, giá trị của chữ Nôm Dao trong đời sống, tín ngưỡng và bảo tồn di sản văn hóa. Tiêu biểu, các bài viết như: “Hồi sinh chữ Nôm Dao xứ Thanh: “Bước đầu tìm hiểu về sách cổ và chữ cổ của người Dao” trong sách *Một số vấn đề Lịch sử - Văn hóa các dân tộc ở Việt Bắc* (Hoàng Hựu, 1982), *Bảng tra chữ Nôm Dao* (Hoàng Hựu, 2012), “Chữ Nôm Dao - Giá trị của người Dao” (Thanh Đào, 2021), *Nghiên cứu tác phẩm chữ Nôm Dao Hạ bản triều khoa* (Nguyễn Thị Hạnh Vân, 2019), “Giữ gìn bảo tồn chữ Nôm Dao” (Mạnh Hào, 2019), “Giữ gìn vốn quý của người xưa” (Quỳnh Trâm, 2022), *Đại thư - Sách dùng trong nghi lễ của người Dao Quần Chẹt* (Hoàng Thị Thu Hường, 2008), “Hệ thống thần linh của người Dao Quần Chẹt: Nghiên cứu đối sánh giữa tranh thờ và sách cúng” (Hoàng Thị Thu Hường, 2022), “Truyền dạy chữ Nôm Dao góp phần bảo tồn di sản văn hóa” (Ngọc Anh, 2023), v.v... đã nghiên cứu chữ Nôm của người Dao và làm sáng tỏ những nỗ lực trong việc hồi sinh, truyền dạy, bảo tồn chữ viết này. Những nghiên cứu này không chỉ nhấn mạnh giá trị ngôn ngữ học mà còn cho thấy chữ Nôm Dao gắn liền với tín ngưỡng, phong tục, và bản sắc văn hóa độc đáo của người Dao. Theo Hoàng Thị Thu Hường “Sách cúng là một trong bốn nhóm sách cổ của người Dao nói chung và của người Dao Quần Chẹt nói riêng. Loại sách này thường được các thầy cúng sử dụng vào các nghi lễ cá nhân hay cộng đồng: lễ cấp sắc trong Đám Chay, tết nhảy, cúng tạ mã, cúng rừng” (Hoàng Thị Thu Hường, 2022: 99) và theo Thế Phúc “chữ Nôm Dao là một hệ thống ký tự chữ Hán được phiên âm ra tiếng Dao” (Thế Phúc, 2025). Như vậy có thể thấy, chữ Nôm Dao không chỉ là ngôn ngữ ký tự, mà nó còn có tính biểu tượng về văn hóa tâm linh, thường được sử dụng trong các nghi lễ cúng tế, ghi chép phong tục, và bảo lưu tri thức truyền thống. Đây là một bằng chứng quan trọng cho thấy vai trò của chữ Nôm Dao như một cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, góp phần lưu giữ di sản văn hóa tinh thần của cộng đồng người Dao. Tuy nhiên, một thực tế đáng chú ý là trong khi đã có nhiều công trình nghiên cứu tập trung vào vai trò và giá trị tổng quát của chữ Nôm Dao, thì những nghiên cứu chuyên sâu về chữ Nôm Dao trong di sản Hán Nôm ở Tuyên Quang vẫn còn là khoảng trống.

Hiện tại, vấn đề nghiên cứu chữ Nôm Dao trong các văn bản cúng tế tại Tuyên Quang gần như chưa được khai thác đầy đủ. Điều này đặt ra nhu cầu cấp thiết về việc tìm hiểu và phân tích hệ thống chữ viết này trong bối cảnh văn hóa đặc thù, nhằm làm rõ vai trò của nó trong các nghi thức tín ngưỡng của người Dao. Văn bản cúng không chỉ là một loại hình di sản vật chất mà còn mang đậm yếu tố phi vật thể, bởi chúng phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan và các giá trị tinh thần của cộng đồng người Dao. Bài viết này sẽ bước đầu tập trung vào việc làm rõ những đặc trưng của chữ Nôm Dao trong văn bản cúng tại Tuyên Quang. Qua đó, góp phần làm phong phú thêm kho tàng nghiên cứu về di sản Hán Nôm của người Dao, đồng thời tạo cơ sở để triển khai các hoạt động bảo tồn, truyền dạy chữ Nôm Dao trong cộng đồng. Mục tiêu và ý nghĩa nghiên cứu Việc nghiên cứu chữ Nôm Dao trong văn bản cúng tại Tuyên Quang không chỉ có giá trị học thuật mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc về việc phát hiện và phân tích các đặc trưng ngôn ngữ, cấu trúc và biểu tượng của chữ Nôm Dao trong các nghi lễ truyền thống và có đóng góp vào việc lấp đầy khoảng trống nghiên cứu về di sản chữ viết của người Dao trong hệ thống Hán Nôm Việt Nam. Nghiên cứu về chữ Nôm Dao góp phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của người Dao, đặc biệt là các phong tục, tín ngưỡng gắn liền với văn bản cúng, hơn nữa còn nâng cao nhận thức của cộng đồng và các cơ quan chức năng về tầm quan trọng của việc bảo tồn chữ viết dân tộc thiểu số, cung cấp tư liệu làm cơ sở cho các chương trình giáo dục, truyền dạy chữ Nôm Dao tại địa phương, đồng thời thúc đẩy các hoạt

động phục dựng và bảo tồn các nghi lễ truyền thống của người Dao tại Tuyên Quang và các khu vực lân cận. Sách cúng là một trong những văn bản thể hiện ngôn ngữ, chữ viết của người Dao ở Tuyên Quang trong tín ngưỡng tôn giáo. Do vậy, chúng tôi sử dụng phương pháp miêu tả, khảo sát và phân loại chữ Nôm trong một số văn bản sách cúng Nôm Dao ở Tuyên Quang để thấy được đặc điểm chữ Nôm mà người Dao sử dụng trong các văn bản này.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Sách cúng chữ Nôm của người Dao ở Tuyên Quang

Qua khảo sát di sản Hán Nôm của người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có thể thấy các sách Hán Nôm của dân tộc thiểu số chủ yếu là sách học chữ Hán, sách cúng, sách xem sao, xem tuổi và các sách hát đối đáp, sách truyện. Trong đó, các văn bản cúng chép bằng chữ Nôm của người Dao có giá trị trong việc ghi chép những thủ tục và lời văn trong các nghi lễ. Và cũng như các ngành Dao khác, nghi lễ cúng tế của người Dao ở Tuyên Quang là những tín ngưỡng trong các lễ nghi gia đình, lễ cúng tổ tiên, cúng thanh minh, cúng rằm tháng Bảy, tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, người Dao còn có những lễ cúng khác, như cúng trước khi ngã cây to, cúng gia đình, cúng ma và các lễ cúng cầu an, v.v... Những văn bản cúng này thường được ghi bằng chữ Hán và chữ Nôm.

Về văn bản cúng viết bằng chữ Nôm của người Dao ở Tuyên Quang, hiện chúng tôi tìm thấy trong *Tuyên Quang tỉnh Chiêm Hóa châu các chủng man thư* 宣光省占化州各種蠻書 kí hiệu A. 2111/1- 15, lưu trữ ở Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm (NCHN) và một số văn bản cúng Phật, cúng Long vương ở tại chùa Hang¹ Tuyên Quang, như: *Tuyên Quang tỉnh Hàm Yên châu bạch quần man thư* 宣光省咸安州白裙蠻書 chủ yếu ghi chép các đồ cúng, trình tự tế lễ và văn cúng Phật (kí hiệu A.2718/1), liệt kê các vật phẩm cần thiết trong lễ cúng, ví dụ như đèn, đồ tế lễ, và các vật dụng mang tính biểu tượng và là những chỉ dẫn cụ thể về cách tiến hành lễ cúng, từ việc chuẩn bị, khăn vái, đến việc kết thúc lễ nghi trong các buổi nghi lễ cầu mùa và lễ tế liên quan đến thiên nhiên.

Văn bản ghi lại các lễ tế cầu cho cây cối phát triển tươi tốt, cầu được mùa, thể hiện niềm tin vào sức mạnh siêu nhiên trong việc bảo vệ và ban phúc cho con người, gắn bó chặt chẽ với văn hóa nông nghiệp của người Dao. Những ghi chép văn cúng với lời văn của (准我太上老君急急如律令 chuẩn ngã Thái thượng lão quân cấp cấp như luật lệnh nghĩa là *cho phép ta Thái thượng lão quân ban lệnh gấp*) bao gồm các văn cúng trong các đàn tế *tán lục bạch yên đàn dụng* 讚六白安壇用, *Lại đèn tán diện tướng dụng* 又到讚面相用, *điệu đèn xướng dụng* 调灯唱用, *chích cửu lang xướng dụng* 隻九朗唱用, *chích cửu nương xướng dụng* 隻九娘唱用, *Thiên ngũ lôi xướng dụng* 天五雷唱用 (kí hiệu A.2718/2)... thể hiện sự pha trộn giữa tín ngưỡng bản địa của người Dao và Phật giáo. Cụm từ “chuẩn ngã Thái Thượng Lão quân cấp cấp như luật lệnh” mở đầu sách cúng trong tập văn cúng thể hiện ảnh hưởng của Đạo giáo trong nghi lễ cúng của người Dao cầu khẩn sự bình an, mưa thuận gió hòa và trừ tà ma. Ngoài ra còn có các bài kinh tụng ở chùa Hang được chép tổng hợp trong một văn bản gồm có: *Phục cứu khổ nhiều sơ* 伏救苦遶初, *Đại thánh tùy nguyện vãng sinh thiên tôn* 大圣随願往生天尊, *Bất khả tư nghi công đức* 不可思議功德 v.v... là những bài tụng cầu nguyện cho sự an lành, siêu thoát và công đức, cho thấy sự giao thoa giữa tín ngưỡng bản địa, Đạo giáo và Phật giáo: *Người hợp đạo trường/ Dập đầu, cúi đầu dốc lòng vâng lời Thiên phủ Thành hoàng nơi đây/ Bốn phương tâu báo xin được vời mời tới/ Mở bùa tâu bày, định ngày giờ hôm nay/ Hương hoa cúng dâng, xuống xem mở đàn/ Xuống xem mở đàn, gọi hồn sứ giả/ Thổ địa linh quan/ Kính mời:/ Thiên phủ thẳng xuống công tào chân ngôn* (Kí hiệu A.2718/1, tờ 9).

¹ Còn gọi là Hương Nghiêm tự, thuộc xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Chữ Nôm Dao không chỉ đơn thuần là một hệ thống chữ viết mà còn là cầu nối giữa các tín ngưỡng, tập tục và đời sống tâm linh của người Dao, đặc biệt được thể hiện rõ qua các văn bản cúng tế. Các văn bản này phản ánh sâu sắc văn hóa nông nghiệp, tín ngưỡng siêu nhiên và sự giao thoa văn hóa tôn giáo, đặc biệt là giữa tín ngưỡng bản địa, Đạo giáo và Phật giáo. Vai trò của văn bản cúng trong tín ngưỡng nông nghiệp Các lễ cúng cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, cây cối tươi tốt là những nghi lễ quan trọng trong đời sống của người Dao. Những lời cúng mang nội dung cầu khẩn, như cụm từ “chuẩn ngã Thái Thượng Lão quân cấp cấp như luật lệnh”, thể hiện sự tôn kính đối với các vị thần linh, đặc biệt là Thái Thượng Lão Quân, một nhân vật quan trọng trong Đạo giáo. Những lời văn cúng này vừa phản ánh niềm tin vào sức mạnh siêu nhiên, vừa thể hiện mối liên hệ mật thiết giữa con người, thiên nhiên và các thế lực siêu nhiên trong nền văn hóa nông nghiệp. Văn bản cúng bao gồm nhiều loại nghi thức đặc thù, như:

Đàn tế tán lục bạch yên đàn dụng 讚六白安壇用 là nghi lễ cầu xin sự bình an và bảo vệ của các vị thần linh.

Tán diện tướng dụng 讚面相用 là lời cầu cúng trước các vị thần đại diện cho trời đất.

Điều đèn xướng dụng 調燈唱用 phản nghi lễ có sự tham gia của các biểu tượng ánh sáng và đèn, biểu thị sự soi sáng và thanh tẩy.

Chích cửu lang xướng dụng 隻九朗唱用 và chích cửu nương xướng dụng 隻九娘唱用 cầu xin sự bảo vệ từ các linh thân nam và nữ.

Thiên ngũ lôi xướng dụng 天五雷唱用 cầu mong các vị thần sấm sét bảo vệ dân làng và xua đuổi tà ma. Những nghi thức này không chỉ có giá trị tín ngưỡng mà còn phản ánh quan niệm vũ trụ luận, trong đó trời, đất, con người và thần linh là một thể thống nhất. Ảnh hưởng của Đạo giáo và Phật giáo Văn bản cúng của người Dao thường xuyên sử dụng các cụm từ mang đậm dấu ấn Đạo giáo, chẳng hạn như “chuẩn ngã Thái Thượng Lão quân cấp cấp như luật lệnh”. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo trong các nghi lễ cầu khẩn của người Dao, đặc biệt trong việc cầu xin sự che chở, bình an và trừ tà. Bên cạnh đó, sự hiện diện của các bài kinh tụng Phật giáo như:

Phục cứu khổ nhiều sơ 伏救苦邊初 cầu mong sự giải thoát khỏi khổ đau.

Đại thánh tùy nguyện vãng sinh thiên tôn 大聖隨願往生天尊 tụng kinh cầu siêu cho linh hồn siêu thoát.

Bất khả tư nghi công đức 不可思議功德 ca ngợi công đức vô biên của các vị Phật. Các bài tụng này cho thấy sự giao thoa giữa Đạo giáo, Phật giáo và tín ngưỡng bản địa, tạo nên một hệ thống tín ngưỡng phong phú và độc đáo. Văn bản cúng của người Dao không chỉ đơn thuần là phương tiện giao tiếp với thần linh mà còn phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan đặc sắc, trong đó hòa quyện yếu tố siêu nhiên và nhân văn. Giá trị văn hóa và di sản cần được bảo tồn Các bài văn cúng được chép lại bằng chữ Nôm Dao là một phần quan trọng trong kho tàng văn hóa phi vật thể của người Dao. Những văn bản như: Văn cúng Phật Thích Ca Mâu Ni, Đại thánh A Di Đà Phật (kí hiệu A.2718/1), các nghi lễ ghi chép trong văn bản kí hiệu A.2718/2 là những minh chứng rõ nét cho sự phát triển của chữ Nôm Dao trong việc lưu giữ tín ngưỡng và truyền thống của cộng đồng. Đây là nguồn tư liệu quý giá không chỉ để nghiên cứu về chữ viết mà còn để hiểu sâu hơn về hệ thống nghi lễ, tín ngưỡng và lịch sử của người Dao. Trong bối cảnh hiện nay, khi nhiều di sản văn hóa đang dần mai một, việc bảo tồn và nghiên cứu các văn bản chữ Nôm Dao là nhiệm vụ cấp thiết. Những nỗ lực này không chỉ giúp phục dựng các nghi lễ truyền thống mà còn góp phần khôi phục bản sắc văn hóa của cộng đồng người Dao, đồng thời nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể trong việc bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa dân tộc.

Các bài văn cúng ghi chép bằng chữ Nôm này là bức tranh sống động về tín ngưỡng và tập tục của người Dao, phản ánh thế giới quan và nhân sinh quan, thể hiện lòng tôn kính của người Dao đối với tổ tiên, thần linh và thiên nhiên. Đây là nguồn tư liệu quý giá cho thấy sự hòa trộn giữa tín ngưỡng bản địa của người Dao với Đạo giáo và Phật giáo (văn cúng Phật thích ca Mâu Ni, Đại thánh A Di Đà Phật, kí hiệu A.2718/1), tạo nên một hệ thống tín ngưỡng phong phú, đặc sắc trong các nghi lễ và lễ hội, là những di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo tồn và nghiên cứu văn hóa truyền thống của người Dao: “*Mưa qua nghìn núi sóng nhấp nhô/ Gió ngọc bốn bên rạng rỡ hoa/ Ngắm rồi nước mở giữa đàn trường/ Mọi thứ hôi tanh đều biến hết*. Thường trong sạch làm ơn cứu độ cho tất cả mọi người. Ôi hương ấy đi xa ba cõi, kính cúi đầu tâu Thần đất bóng đàn hương hoa theo pháp lệnh truyền rằng: Nước hương đem rước Thánh giá, ban ơn sáng sửa. Đốt hương tin suốt lời nói thật phải nên giữ đọc” (Kí hiệu A.2718/1, tờ 4).

Di sản văn hóa phi vật thể bằng chữ Nôm của người Dao là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu ngôn ngữ, chữ viết và cách hành văn của người Dao. Lời văn trong các bài thường mang tính tượng trưng, giàu hình ảnh, nhịp điệu, thể hiện nghệ thuật ngôn từ trong tập quán, thói quen sử dụng ngôn ngữ và truyền thống lịch sử phát triển ngôn ngữ của dân tộc Dao. Những văn bản Nôm này phản ánh sinh hoạt xã hội và tín ngưỡng của người Dao trong các thời kỳ lịch sử, cho thấy sự xuất hiện, ảnh hưởng của các Đạo giáo và Phật giáo trong tín ngưỡng của người Dao, đồng thời nó là vết tích cho thấy quá trình tiếp xúc và ảnh hưởng văn hóa của các dân tộc thiểu số, đây là cơ sở quan trọng để tìm hiểu sự phát triển và biến đổi trong tín ngưỡng của người Dao ở Tuyên Quang.

Trong các văn bản Nôm Dao hiện còn có nhiều văn bản cúng Phật cho thấy người Dao cũng có mang tư tưởng Phật giáo: “Pháp luân chuyển như thế/ Phát từ được như thế/ Phổ sám tội như thế”.

Trở lại tụng Kinh trọn vẹn đầy đủ, Phật trở lại cung sen, Đệ tử lấy giữ mang về nguồn mát. Nay có tán tài xem Phật hóa cháy.

Niệm Quang minh hóa tài biến chân ngôn. Nam vô tam mãn linh úm dẫn còn lò cắt để da... Tới lại ta thôi đốt của hàng mã y pháp trên. Suốt mười phương Tam bảo bản sư văn Phật, chư Phật hai mươi châu. Nữ Thánh từ tôn, địa tạng hay nhân, thiên, địa, thủy phủ tam cung đại đế. Thập tổ Minh vương, Kinh đàn Hiền Thánh, các vị đặt tiến cầu hiệu nam trai chủ, theo còn mất. Xưa là gì? Chính hờ vang Kinh đem hóa, dẫn ra trần thế. Trời đất vốn hóa làng Tiên. Cúi xin: Quan Âm tiếp dẫn lên trên Điện san hô. Báo chủ rước Bách bảo tiếp đài Kim sa bày giềng đất xem Kinh. Trong Liên mã đạo trì nghe phép màu huyền diệu vong xưa là ai? Ba mươi ba đất Trời có đi có lại mười tám lần địa ngục, khỏi thấy tiếng năm khổ. Lên ăn Cam lồ, được đến Đệ hồ, thân đời chịu ghi núi đao, gặp kiếp bát bảo mã hóa đốt ngọc thổ ngoa. Vượt cùng siêu lên đầu trâu thành đạo tốt. Sáu đạo ba đồ xe lửa thành tiêu tại phúc lại. Xin hạ phẩm hạ sinh, trung phẩm trung sinh, thượng phẩm sinh thẳng qua Tây Phương là đất thông thả dòng chơi. Nhà nào? Ba đời theo Phật siêu lên cõi sống, sống trong cõi hai mươi châu.

Vượt lên đất Phật hai mươi châu, ví kinh lực thay niệm bảo tạng hai mươi châu. Trọn vẹn đầy đủ bất khả sa la trai: Lại dâng quy y tổng Phật/ Thập phương tam thế nhất thiết Phật/ Bản sư Thích Ca Mâu ni văn Phật/ Pháp giới vô thượng Phật Bồ Đề”.

Pháp giới rất sâu xa diệu pháp Pháp giới La Hán Hiền Thánh tăng Pháp giới chư Phật ở hai mươi châu Pháp giới thiên, địa, thủy ba cung Pháp giới địa phủ chúng vương cung Pháp giới đạo trường Hiền Thánh Pháp giới thủy phủ ngũ Tiên cung Chỉ xin từ bị làm chứng minh Đọc diễn Kinh chủ Thần trở về (Chú: lời bí quyết của pháp sư).

“Phật thuyết lay chú thích kinh chú” (Kí hiệu A.2718/1, tờ 37-38). Văn bản cúng này thể hiện một bức tranh phong phú và phức tạp về tín ngưỡng của người Dao, trong đó hòa quyện

giữa tín ngưỡng bản địa, Đạo giáo và Phật giáo. Bằng ngôn ngữ trang trọng và giàu tính biểu tượng, văn bản không chỉ ghi lại lời khẩn nguyện mà còn tái hiện mối liên kết giữa con người, thần linh và các thế lực siêu nhiên trong vũ trụ. Lời văn cúng trong đoạn trích thể hiện một hành trình tâm linh từ thế giới trần tục đến cảnh giới siêu nhiên, với mục tiêu cầu mong sự cứu rỗi, siêu thoát và bình an cho cả người sống và người đã khuất. Điển hình là lời cầu nguyện: “Quan Âm tiếp dẫn lên trên Điện san hô” là hình ảnh biểu tượng của sự dẫn dắt linh hồn bởi Quan Âm Bồ Tát - vị Phật tượng trưng cho lòng từ bi, dẫn linh hồn lên một cảnh giới cao hơn. “Ba mươi ba đất trời... mười tám lăm địa ngục”: Hình ảnh này phản ánh thế giới quan vũ trụ trong tín ngưỡng của người Dao, nơi có sự tồn tại của nhiều cõi khác nhau, từ thiên giới (đất trời) đến địa ngục, nhấn mạnh hành trình vượt qua đau khổ để đạt được giải thoát. Các cụm từ như “thân đời chịu ghi núi đao”, “gặp kiếp bất báo mã hóa” hay “vượt cùng siêu lên đầu trâu thành đạo tốt” gợi nhắc đến quá trình thanh lọc, vượt qua khó khăn và khổ đau để đạt được sự cứu rỗi và giác ngộ. Điều này phản ánh quan niệm nhân sinh và thế giới quan của người Dao, nơi mà sự nỗ lực và niềm tin có thể đưa linh hồn từ cõi khổ đau đến nơi an lạc.

Lời văn cúng cho thấy sự giao thoa giữa tín ngưỡng bản địa, Đạo giáo và Phật giáo. Trong văn bản cúng này, ta nhận thấy sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tôn giáo khác nhau thể hiện qua việc nhắc đến các vị thần linh như “Thập tổ Minh vương, Kinh đàn Hiển Thánh, các vị đặt tiền cầu”, những nhân vật thường xuất hiện trong tín ngưỡng Đạo giáo. Các nghi thức cầu siêu, hóa giải vận hạn hay cầu bình an đều có dấu ấn đậm nét của Đạo giáo.

Sự hiện diện của các cụm từ như “Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật”, “Pháp giới rất sâu xa diệu pháp” và “Quan Âm” khẳng định tầm quan trọng của Phật giáo trong tín ngưỡng của người Dao. Các lời tụng mang tính chất phổ độ chúng sinh, cầu siêu cho người chết và khuyến khích con người sống thiện, tích đức để đạt được sự giải thoát. Hình ảnh như “đài Kim sa bày giềng đất xem Kinh” hay “nhà nào ba đời theo Phật siêu lên cõi sống” nhấn mạnh mối quan hệ gắn bó giữa con người và thiên nhiên, giữa hiện tại và tổ tiên. Đây là yếu tố đặc trưng trong tín ngưỡng của người Dao, nơi mà tổ tiên đóng vai trò quan trọng trong đời sống tâm linh.

Hệ thống biểu tượng và ngôn ngữ trong văn bản cúng ngôn ngữ trong văn bản cúng được xây dựng một cách đầy tính biểu tượng và giàu tính gợi hình. Các hình ảnh như “Điện san hô”, “Liên mã đao trì”, “Cam lồ”, và “Bát bảo mã hóa” không chỉ mang ý nghĩa nghi lễ mà còn truyền tải thế giới quan sâu sắc về sự chuyển hóa và giải thoát. Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản cúng không chỉ thể hiện lòng tôn kính mà còn mang tính thiêng liêng, thể hiện qua các cụm từ khẳng định niềm tin tuyệt đối vào thần linh và sức mạnh siêu nhiên.

3.2. Đặc điểm chữ Nôm trong các sách cúng của người Dao

Trong các văn bản Nôm ghi văn cúng của người Dao còn thấy phần lớn mượn dùng chữ Hán để ghi âm tiếng Dao, như: *Tuyên Quang tỉnh Yên Sơn phủ bạch quần man thư* 宣光省安山府白裙蠻書, *Tuyên Quang tỉnh Chiêm Hóa châu các chủng man thư* 宣光省占化州各種蠻書, *Tuyên Quang tỉnh Hàm Yên châu bạch quần man thư* 宣光省咸安州白裙蠻書 và các sách cúng, sách xem sao lưu trữ tại Hương Nghiêm tự chủ yếu mượn nguyên hình chữ Hán, mượn âm Hán Việt đọc chệch, hoặc mượn nghĩa, ít dùng chữ Nôm tự tạo. Khảo cứu một trong những tập bài văn cúng lưu trữ tại ngôi chùa này, chúng tôi thấy bài văn cúng *Phục cứu khổ nhiều sơ* 伏救苦遶初 chỉ có một từ duy nhất chữ Nôm ghép nghĩa nghĩa “tiếng” = 口 khẩu + 声 thanh (viết tắt)”, còn lại mượn nguyên hình chữ Hán, đọc âm Hán Việt: “Phục dĩ đại đạo uyên thâm, chân truyền vệ diệu diễn vô cùng chi giáo, diễn khai bất bằng chi pháp môn tiếp vật lợi nhân, tế sinh độ tử ách ngôn chiết ngục, hương bảo vận cho cán cực, diệu ngữ không ca ngân kim tiếng chi ần, phạm tận bất thị quần tà chi tuyệt tận, dịch vi

độ hải chi chu thuyền hạo” (Tư liệu lưu trữ tại Hương Nghiêm tự, Tuyên Quang, tờ 64) để thầy Tào² đọc trong khi tế lễ: Phù ý tả tảo lâu thâm, chân sèn vầy mảo đến hồ sông chi, chảo huầy khai phủ tảo chi chà mẩu chè hồ lý, dần chỉ thảng, tử thứ mông đèn, khi dù quáng pháo đèn chi, cân khi mảo ngó khổng khi lân kín sinh, chỉ kỳ phàn sý phủ thì khinh chí thên lệnh tăng vầy, tử hải chi tán pon cảo dờ dờ lờ

Âm đọc của thầy cúng Tào có lẽ xuất phát từ âm đọc của người Dao Kiềm Miên, Kim Mùn ở Trung Quốc. Theo các nhà nghiên cứu dân tộc học, người Dao tại Trung Quốc đã xuất hiện từ đời nhà Tùy, Đường tức vào thế kỷ VI - X (cách đây khoảng 1.400 năm phát âm là Mùn (Kim Mùn hoặc Diu Mùn), sau đó di cư sang Việt Nam và hiện nay tại Tuyên Quang, người Dao Đỏ “đại bản” cư trú ở huyện Na Hang, Lâm Bình, Chiêm Hóa; Dao Tiền “tiểu bản” cư trú ở huyện Na Hang, Hàm Yên, Chiêm Hóa; Dao Quần Chẹt cư trú ở huyện Sơn Dương; Dao Tuyển (Dao Áo Dài) cư trú chủ yếu ở huyện Na Hang, Chiêm Hóa; Dao Coóc Ngáng, Dao Lô Gang cư trú ở huyện Yên Sơn; Dao Quần Trắng cư trú ở huyện Hàm Yên, Yên Sơn; Dao Coóc Mùn cư trú ở huyện Yên Sơn, Sơn Dương.

Trong văn cúng của Dao không những thể hiện tôn giáo, tín ngưỡng còn có những từ ngữ miêu tả cảnh sắc thiên nhiên cây cối, sông núi, vạn vật của đất trời thông qua sự thay đổi của bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông, thể hiện tâm trạng của con người trước cảnh vật (Kí hiệu A.2718/1, tờ 27- 29):

Cảnh Xuân: Trộm nghĩ, liễu đục ngăn mắt, chứa khói, tai đào khắp khơi, chuông tàn, tiếng tiêu ở chùa ba lần lỡ bước thẳng rõ ràng rơi rồi lại đứt. Ai gọi? Dạy ngừng một tiếng rất sợ. Khách mộng sơn đình Tam Vân. Vào buổi sớm mưa sao Tôn Hiền rõ lộ trước thấy sợ, nên dựng lên để biết.

Cảnh Hạ: Tiếng chim riu rít, mộng bướm buổi đầu. Sao tàn nấp nơi cảnh liễu. Đầu đã ướt đầm. Bùa dâng lên nơi phàm trần dựng.

Cảnh Thu: Mặt trời bóng hiện, Ngân Hán sáng sinh, lờ mờ sương trắng. mưa sớm sông vang, gió mát tuôn dựng.

Cảnh Đông: Đài Đông giọt dứt vẽ trông sâu chìm. Mông lung sắc sáng, bóng luôn giấu kín, sáng rõ bùa xa cầu ván núi tròn. Sông nghiêng gió đòi, bình minh thoáng mở. Bày Phật, phàm trần xây dựng.

Cảnh sớm: Bày chim mở đồ, nghề thỏ sắp sinh, ngậm núi xé núi, dề ban ngày không ánh nước, nước tàn mọc vụt tàn, hành khách chạy vội vã trên đường, lấy mũi tên của ngư ông bắn ra, nhanh như gió thổi.

Cảnh hoàng hôn: Tối qua về ngủ gọi lên tiếng buồn, mặt trời xé xuống núi

Các sách cúng viết bằng chữ Nôm ở Tuyên Quang chủ yếu sử dụng cách mượn nguyên hình, mượn âm hoặc mượn nghĩa từ chữ Hán để đọc và sử dụng chữ Nôm. Chỉ một số ít chữ Nôm được tự tạo với cấu trúc kết hợp nghĩa và âm theo các nguyên tắc sau:

Tiếng 𪛗 = 口 (khẩu) + 声 (thanh, viết tắt): Kết hợp nghĩa - nghĩa; Tai 𪛗 = 月 (nhục) + 思 (tư): Kết hợp nghĩa - âm; Lỡ 𪛗 = 亻 (nhân) + 呂 (lữ): Kết hợp nghĩa - âm; Bước 𪛗 = 亻 (nhân) + 足 (túc): Kết hợp nghĩa - nghĩa; Trước 𪛗 = 亻 (nhân) + 畧 (lược, viết tắt): Kết hợp nghĩa - âm; Lung (𪛗) = 月 (nguyệt) + 龍 (long): Kết hợp nghĩa - âm.

² Thầy Tào là người thầy cúng tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam có đông người dân tộc thiểu số sinh sống là (người Tày, Nùng, Dao, Thái), người chuyên về chức năng tín ngưỡng cao hơn cả thầy mo, trong các bản làng. Thầy Tào còn là người hiểu biết nhiều về văn hóa của dân tộc, biết chữ Hán Nôm vì họ thường xuyên phải dùng những cuốn sách bằng chữ Hán Nôm cổ trong những lần làm lễ cúng và họ còn là những người ghi lại những câu truyện cổ dân gian, các câu tục ngữ, các làn điệu dân ca của dân tộc để gìn giữ văn hóa truyền thống của dân tộc cho các thế hệ sau. Thầy Tào được coi là những nghệ nhân đang gìn giữ bản sắc dân tộc thể hiện qua những lễ hội cầu mùa, cầu mưa, ma chay,... - TG.

Từ những thống kê trên, có thể nhận thấy rằng hầu hết các văn bản cúng bằng chữ Nôm ở Tuyên Quang rất ít sử dụng chữ Nôm tự tạo. Thay vào đó, các tác giả thường mượn nguyên hình chữ Hán để đọc theo âm Hán Việt, đọc chệch theo ngữ âm tiếng Dao, hoặc mượn nghĩa của chữ Hán. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng mạnh mẽ của chữ Hán trong các văn bản chữ Nôm của người Dao tại địa phương này.

3.3. Giá trị chữ Nôm Dao trong văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc thiểu số

Chữ Nôm Dao là một bộ phận quan trọng trong hệ thống di sản Hán Nôm, mang giá trị đặc biệt trong việc nghiên cứu lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam. Các văn bản cúng bằng chữ Nôm Dao là nguồn tư liệu quý giá, ghi chép đầy đủ các từ ngữ, cấu trúc chữ Nôm và mang đặc trưng của văn bản Nôm tiếng Dao chứa đựng nhiều hình thức văn học truyền miệng trong các nghi lễ sinh hoạt tôn giáo, giúp nghiên cứu sâu hơn về nghệ thuật ngôn từ và cách người Dao diễn đạt thế giới quan của họ. Nó là phương tiện ghi chép, mà còn thể hiện cách người Dao tư duy và truyền tải tri thức. Nội dung của các văn bản này thể hiện người Dao chịu ảnh hưởng của tư tưởng Phật giáo, Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian thờ thần, thờ Phật, thờ ma, lễ cấp sắc, phản ánh sự hòa quyện tôn giáo trong đời sống văn hóa của người Dao, đồng thời khẳng định quá trình di cư, giao lưu văn hóa đã biến đổi người Dao ở Việt Nam trong nhiều phương diện, trong đó có ngôn ngữ chữ viết văn hóa và tín ngưỡng.

Tuyên Quang là một tỉnh miền núi nằm ở vùng Đông Bắc, tổng diện tích tự nhiên 5.800 km². Dân số trên 75 vạn người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 56% dân số toàn tỉnh. Theo số liệu thống kê tỉnh Tuyên Quang có trên 22 dân tộc, tuy nhiên chỉ có một số dân tộc gồm: Tày, Dao (9 ngành), Sán Chay (Cao Lan - Sán Chí), Sán Dìu, Nùng, Mông (3 ngành), Pà Thẻn và nhóm người Thủy, cư trú theo cộng đồng. Mỗi dân tộc thiểu số có bản sắc văn hóa truyền thống riêng, được lưu truyền qua bao thế hệ thể hiện qua trang phục, tiếng nói, phong tục tập quán (tang ma, cưới xin, vào nhà mới...), cách ứng xử trong gia đình, cộng đồng, làng bản; tri thức dân gian đặc biệt là các loại hình nghệ thuật, dân ca, dân vũ độc đáo nổi bật, như: Hát Then (dân tộc Tày), hát sinh Ca (dân tộc Cao Lan), hát Soọng Cô (dân tộc Sán Dìu), hát Páo Dung (dân tộc Dao) Hát Cỏ lầu (lầy cỏ), hát giao duyên; hát Sli, hát Soong hao, Hát Sli Giang (dân tộc Nùng); các lễ hội dân gian truyền thống tổ chức vào dịp đầu năm mới như: Lễ hội Lồng Tồng, Cầu Mùa, Cầu May (dân tộc Tày), lễ hội Đình (dân tộc Cao Lan); các nghi lễ truyền thống như: Lễ cấp sắc, lễ Tết Nhảy (dân tộc Dao), lễ Cầu Khoăn, Cúng Cốm (dân tộc Tày); lễ Nhảy lửa (dân tộc Pà Thẻn)... Có thể nói di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số tỉnh Tuyên Quang được bảo lưu trao truyền, bổ sung, sáng tạo qua các thế hệ theo chiều hướng tích cực, hòa chung trong “dòng chảy” của cộng đồng văn hóa của các dân tộc Việt Nam. Văn bản cúng chữ Nôm của người Dao chứa đựng những giá trị văn hóa, tín ngưỡng quan trọng, lưu trữ nhiều tri thức liên quan đến văn hóa, văn học dân gian và đời sống xã hội phản ánh mối quan hệ giữa con người với thần linh, tổ tiên và thiên nhiên, góp phần giữ gìn và truyền dạy các nghi lễ cổ truyền, phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, thu hút du khách trong và ngoài nước đến khám phá văn hóa Dao.

Chữ Nôm Dao ở Tuyên Quang giữ được nhiều nét văn hoá của dân tộc, ghi chép những văn bản tín ngưỡng: cúng Phật, cúng ma và trong tín ngưỡng cấp sắc. Nhờ có chữ viết riêng mà người Dao đã có hệ thống văn tự riêng, có giá trị lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng. Chữ Nôm Dao không chỉ là một hệ chữ viết của riêng dân tộc Dao mà còn là một phần quan trọng trong di sản Hán Nôm, góp phần bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số. Sự hiện diện của chữ Nôm Dao góp phần trong việc khai thác, truyền dạy các thế hệ sau sẽ phục hồi và củng cố ngôn ngữ, cộng đồng người Dao vừa học tập ngôn ngữ dân tộc mình,

vừa tiếp cận được tiếng Việt và các ngôn ngữ khác, đồng thời cung cấp thêm dữ liệu để phân tích và so sánh ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là mối liên hệ giữa chữ Nôm Dao và chữ Nôm Tày. Tuy nhiên, việc nghiên cứu và khai thác chữ Nôm Dao trong văn cúng giúp củng cố các chính sách bảo vệ và phát huy ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập và đây là trách nhiệm bảo tồn văn hóa mà còn là việc bảo vệ quyền sử dụng và phát triển ngôn ngữ của cộng đồng người Dao tại Tuyên Quang. Việc nghiên cứu chữ Nôm Dao không chỉ giúp hiểu rõ hơn về văn hóa và lịch sử của người Dao, mà còn làm sáng tỏ quá trình giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa các dân tộc. Đây là nhiệm vụ cấp thiết để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện đại.

4. Kết luận

Di sản viết bằng chữ Nôm trong văn cúng của người Dao có ý nghĩa đặc biệt trong việc khai thác ngôn ngữ và bảo tồn văn hóa của dân tộc thiểu số tại Tuyên Quang. Các tài liệu văn cúng Hán Nôm Dao ở Tuyên Quang rất ít sử dụng chữ Nôm tự tạo, mà thường mượn nguyên hình chữ Hán để đọc theo âm Hán Việt, đọc chệch hoặc mượn nghĩa của chữ Hán. Những tư liệu này không chỉ là nguồn tư liệu quý giá về ngôn ngữ và văn hóa, mà còn là cầu nối để thế hệ trẻ hiểu biết và tự hào về bản sắc dân tộc mình. Việc nghiên cứu và phát huy các giá trị này sẽ góp phần vào việc nghiên cứu di sản Hán Nôm ở nước ta hiện nay và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững văn hóa, ngôn ngữ và xã hội của cộng đồng người Dao và tỉnh Tuyên Quang.

Tài liệu tham khảo

- Bàn Tuấn Năng. (2019). *Lễ cấp sắc của người Dao ở Việt Nam*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Hoàng Hựu. (1982). Bước đầu tìm hiểu về sách cổ và chữ cổ của người Dao. Trong sách *Một số vấn đề Lịch sử - Văn hóa các dân tộc ở Việt Bắc*. Bảo tàng Việt Bắc xuất bản.
- Hoàng Hựu. (2012). *Bảng tra chữ Nôm dân tộc Dao*. Nxb Khoa học xã hội.
- Hoàng Thị Thu Hường. 2008. *Đại thư - Sách dùng trong nghi lễ của người Dao Quần Chẹt*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Hoàng Thị Thu Hường. (2022). Hệ thống thần linh của người Dao Quần Chẹt: Nghiên cứu đối sánh giữa tranh thờ và sách cúng. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 9 (225).
- Mạnh Hào. (2019). Giữ gìn bảo tồn chữ Nôm Dao. <https://nhandan.vn/giu-gin-bao-ton-chu-nom-dao-post361902.html>
- Ngọc Anh. (2023). Truyền dạy chữ Nôm Dao góp phần bảo tồn di sản văn hóa. <https://baothanhhoa.vn/truyen-day-chu-nom-dao-gop-phan-bao-ton-di-san-van-hoa-dan-toc-120521.htm>
- Nguyễn Thị Hạnh Vân. (2019). *Nghiên cứu tác phẩm chữ Nôm Dao Hạ bản triều khoa*. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
- Quỳnh Trâm. (2022). Hồi sinh chữ Nôm Dao xứ Thanh: Chữ Nôm Dao – Giá trị của người Dao. <https://baodantoc.vn/hoi-sinh-chu-nom-dao-o-xu-thanh-giu-gin-von-quy-cua-nguoi-xua-bai-1-1663322597309.htm>, truy cập ngày 15/01/2025.
- Tuyên Quang tỉnh Hàm Yên châu bạch quần man thư* 宣光省咸安州白裙蠻書 kí hiệu A.2718/1. Thư viện Viện nghiên cứu Hán Nôm.
- Tư liệu văn cúng lưu trữ ở Hương Nghiêm tự, thuộc xã An Khang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.
- Thanh Đào. (2021). Chữ Nôm Dao - giá trị cội nguồn của người Dao. <https://baosonla.vn/vi/bai-viet/chu-nom-dao--gia-tri-coi-nguon-cua-nguoi-dao-43827>, truy cập ngày 16/01/2025.
- Thế Phúc. *Chữ viết của người Dao*. <https://dsvh.gov.vn/chu-viet-cua-nguoi-dao-3147>
- Trần Hữu Sơn. (2009). *Sách cổ người Dao*. Nxb. Văn hóa dân tộc.
- Vương Xuân Tình. (chủ biên, 2018). *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. Nxb. Khoa học xã hội.